

CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ NHƯ THẾ NÀO?

Như chúng ta biết, trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường, vai trò của nhà nước không phải giảm đi như theo quan niệm của một số nhà kinh tế học cổ điển mà ngày càng trở nên quan trọng, có tính chất quyết định đối với quá trình phát triển của nền kinh tế quốc gia. Chính vì vậy, những vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, suy thoái, lạm phát, giảm phát có liên quan đến toàn bộ nền kinh tế nhìn từ góc độ đại lượng (tổng cung, tổng cầu, tổng khối lượng tiền tệ lưu thông, các nguồn đầu tư tổng hợp...) đã trở thành trung tâm điểm của các cuộc nghiên cứu, trên bình diện lý thuyết cũng như thực tiễn.

Từ nhận thức đó, việc xác định và hình thành một chính sách kinh tế vĩ mô có căn cứ khoa học và có hiệu quả vững chắc trong thực tế, bao giờ cũng là mục tiêu quan trọng của các quốc gia, nhất là đối với những nước đang phát triển như Việt Nam chúng ta.

Trong cuộc Hội thảo về Kinh tế Việt Nam và Chính sách quản lý kinh tế vĩ mô trong thời kỳ cải cách ở Việt Nam được tiến hành tại Hà Nội vào tháng 4-92 với sự tham dự của nhiều chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước, các nhà quản lý kinh tế ở trung ương và địa phương, nhiều ý kiến đã được phát biểu chung quanh vấn đề chính sách kinh tế vĩ mô.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu quan điểm và ý kiến của các chuyên gia nước ngoài về vấn đề quan trọng này, trong tập tài liệu **CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ** đã được phổ biến trong Hội nghị.

Trong việc hoạch định ra một tổng thể các chính sách kinh tế vĩ mô, điều quan trọng trước tiên là phải xác định cho đúng và đủ các mục tiêu của chính sách. Mặc dù tất cả các mục tiêu của các chính sách kinh tế vĩ mô đều nhằm vào mục đích cuối cùng là tạo ra được một môi trường kinh tế lành mạnh, nhưng thứ tự ưu tiên của chúng lại phụ thuộc phần lớn vào hoàn cảnh và trình độ phát triển kinh tế của mỗi nước. Nhìn chung, chính sách ổn định kinh tế của các nước đều nhằm mục tiêu đạt được tổng sản lượng ở mức sử dụng hết lao động và giữ cho lạm phát ở mức tối thiểu. Riêng đối với các nước đang phát triển, các mục tiêu này phải phù hợp nguyện vọng đạt được tốc độ tăng trưởng vững chắc. Còn ở các nước tiên tiến về kinh tế, người ta thường quan tâm những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. **Thất nghiệp:** Mục tiêu ở đây là phải duy trì thất nghiệp ở mức tối thiểu hay là giữ cho thất nghiệp ở "tỷ lệ tự nhiên" của nó (thất nghiệp do đang tìm việc làm và thay đổi chỗ làm việc một cách bình thường). Sự toàn dụng (Full employment) ở đây không chỉ ảnh hưởng đến tổng sản lượng quốc gia mà

còn có tác dụng nâng cao phúc lợi của các nhóm dân cư.

2. **Lạm phát:** Cần được giữ ở mức ổn định và tỉ lệ lạm phát phải thấp. Cũng giống như thất nghiệp, mức ổn định giá cả có thể chấp nhận được không nhất thiết phải đồng nghĩa với tỉ lệ lạm phát bằng không.

3. **Cân cân thanh toán:** Sự thâm hụt trong cân cân thanh toán (xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ ít hơn nhập khẩu) cần được duy trì ở mức tối thiểu.

4. **Tỉ giá hối đoái:** Tỉ giá hối đoái cũng cần phải ổn định và có thể dự báo được.

5. **Mức độ can thiệp vào quá trình phân bổ các nguồn lực:** Cũng cần được duy trì ở mức tối thiểu. Đây cũng là mục tiêu quan trọng của chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường, mặc dù nó không rõ ràng như các mục tiêu khác vì rất khó định lượng được sự can thiệp như thế.

6. **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Đạt được một tốc độ tăng trưởng kinh tế cao phải được xem là mục tiêu quan trọng nhất của chính sách kinh tế vĩ mô. Nhưng đây không phải là mục tiêu độc lập, hay nói cách khác, mục tiêu tổng hợp này là kết quả của việc thực hiện các mục tiêu nói trên. Thực vậy, việc sử dụng hết lao động và phân bổ có hiệu



quả các nguồn lực sẽ góp phần tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tất nhiên điều này không có nghĩa là không có chính sách kinh tế vĩ mô nào có thể trực tiếp làm tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế. Thí dụ, một chính sách làm tăng đầu tư, nhưng không làm tăng tiêu dùng có thể thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Tóm lại, có hai cách nhìn về mục tiêu chính sách kinh tế vĩ mô. Với cách nhìn *lý tưởng*, chúng ta có mức tổng sản lượng ở mức sử dụng hết lao động, tỉ lệ lạm phát và thâm hụt cán cân thanh toán bằng không, tỉ giá hối đoái không thay đổi, tốc độ tăng trưởng được giữ vững hoặc cao. Với cách nhìn *thực tế* thì mục tiêu của chính sách chỉ nhằm làm giảm đến mức tối thiểu những sai lệch so với trạng thái lý tưởng này.

Một vấn đề khác cũng cần được nghiên cứu là mối tương quan và tác động lẫn nhau giữa các mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô. Trước hết, trong cùng mục mà các mục tiêu nêu trên chỉ nhằm bảo đảm sự tăng trưởng của sản lượng thì nhìn chung, chúng có thể bổ sung cho nhau. Thí dụ như vì lạm phát làm sai lệch sự phân bổ nguồn lực nên giữa mục tiêu phân bổ nguồn lực và mục tiêu chống lạm phát, ổn định giá cả có sự hỗ trợ, bổ sung cho nhau đáng kể. Tương tự như vậy, tỉ lệ lạm phát thấp làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm sản xuất trong nước trên thị trường nước ngoài, nên mục tiêu ổn định giá cả và mục tiêu cân bằng cán cân thanh toán cũng có tác dụng hỗ trợ cho nhau.

Tuy nhiên cũng có trường hợp xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột, tỉ như việc ổn định giá cả và sử dụng hết lao động có thể là những mục



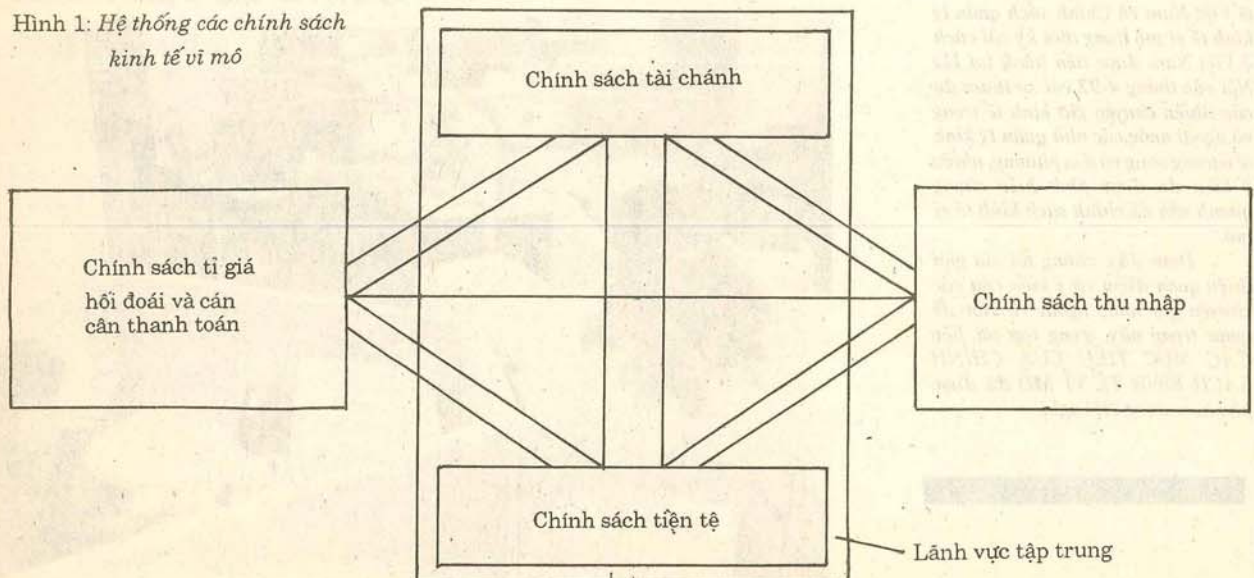
tiêu mâu thuẫn với nhau trong thời gian ngắn. Mâu thuẫn này nảy sinh từ thực tế là tình trạng thất nghiệp đòi hỏi phải vận dụng những chính sách làm tăng tổng cầu trong khi lạm phát thường đòi hỏi phải áp dụng chính sách làm giảm bớt tổng cầu. Nhưng về lâu dài, đương nhiên các mục tiêu chống lạm phát và sử dụng hết lao động có thể hỗ trợ cho nhau. Một thí dụ khác về sự xung đột giữa các mục tiêu là mâu thuẫn giữa cân bằng cán cân thanh toán và sử dụng hết lao động. Trong những nền kinh tế mở như nền kinh tế Mỹ, thu nhập tăng lên dẫn đến nhập khẩu tăng lên, sự gia tăng nhập khẩu này làm cho sự thiếu hụt cán cân thanh toán trở nên tồi tệ hơn. Trong những tình huống xung đột này, rõ ràng sự lựa chọn chính sách phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên do người hoạch định chính sách đề ra. Ngoài ra, người ta còn

phải tính đến triển vọng phát triển của nền kinh tế trong tương lai, cũng như dự tính trước khoảng thời gian cần thiết để các chính sách phát huy ảnh hưởng của chúng.

Ngoài ra, cũng cần phải quan tâm đến mối tương quan giữa chính sách ổn định và chính sách điều chỉnh cơ cấu. Phân biệt giữa *ổn định* và *điều chỉnh* là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Chính sách ổn định phải giải quyết những vấn đề tương đối ngắn hạn, có tính chất cấp bách nhất (lạm phát, suy thoái kinh tế) trong khi chính sách điều chỉnh cơ cấu nhằm vào những trở ngại đối với quá trình tăng trưởng kinh tế dài hạn (giá cả bị bóp méo, tỉ giá hối đoái bị đánh giá quá cao, những hạn chế về thị trường). Khả năng bổ sung cho nhau có ý nghĩa quan trọng, bởi vì biện pháp điều chỉnh cơ cấu nếu không thận trọng có thể làm trầm trọng thêm những khó khăn mà chính phủ phải giải quyết khi thực hiện những nỗ lực nhằm ổn định nền kinh tế. Mặt khác, những cải cách về cơ cấu sẽ bị nguy hại khi chưa đề ra được một chương trình ổn định kinh tế có hiệu quả. Chính phủ ở các nước đang phát triển có xu hướng theo đuổi những mục tiêu ngắn hạn mà bỏ qua vấn đề điều chỉnh cơ cấu dài hạn, bởi vì họ thường phải giải quyết những khủng hoảng trước mắt, trong khi điều chỉnh cơ cấu hiếm khi có tính chất cấp bách như vậy mà ảnh hưởng của nó cũng khó nhận thấy. Tuy nhiên, những thất bại trong điều chỉnh thường làm tăng khả năng xảy ra khủng hoảng và gây ra những tổn thất ngay trong ngắn hạn.

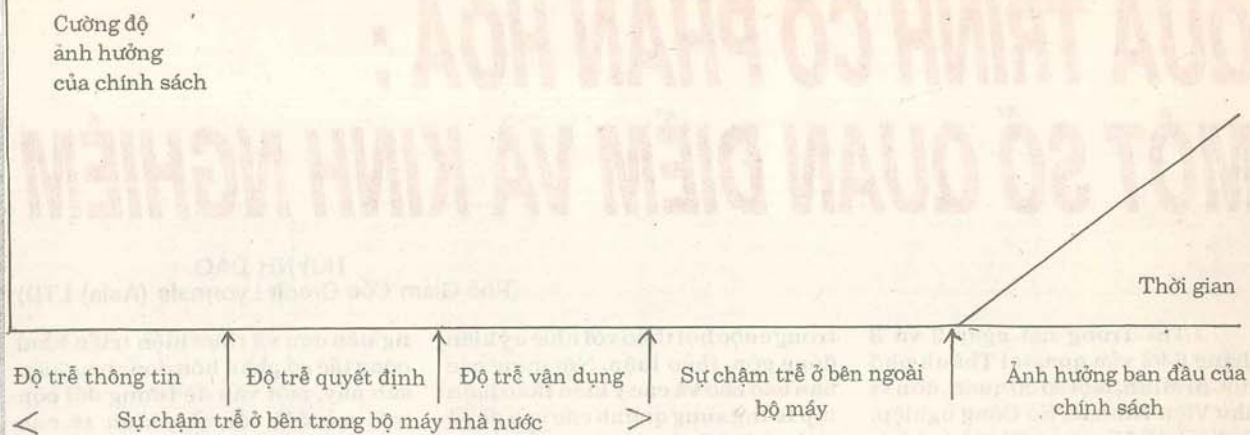
LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ?

Hình 1: Hệ thống các chính sách kinh tế vĩ mô



4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Hình 2: Những độ trễ trong quá trình hoạch định chính sách và ảnh hưởng của chúng.



Một khi đã biết được các mục tiêu khác nhau của chính sách kinh tế vĩ mô nêu trên, người ta sẽ đặt câu hỏi: Có thể vận dụng những công cụ chính sách chủ yếu nào để đạt được những mục tiêu đó?

Sơ đồ khái quát dưới đây sẽ cho chúng ta biết cần phải vận dụng những công cụ chính sách nào để thực hiện các mục tiêu nói trên:

Nhưng trước khi đề cập các chính sách công cụ nói trên, điều cần thiết là phải nắm được những đặc trưng của một chính sách công cụ tốt. Nói một cách khái quát và dễ hiểu, một chính sách công cụ tốt là một thứ công cụ có hiệu quả nhất để giải quyết những vấn đề được đặt ra. Dưới đây là những đặc trưng của một công cụ tốt mà chúng ta muốn có:

- **Tốc độ vận dụng:** Với tốc độ thay đổi nhất định của một nền kinh tế nào đó, khi một công cụ được vận dụng càng nhanh, nó sẽ càng có hiệu quả. Tuy nhiên, sự chậm trễ (độ trễ) có thể xảy ra ngay trong bộ máy chính quyền, một phần là vì người ta cần có thời gian để thu thập những thông tin cần thiết (độ trễ thông tin), để đi đến thoả thuận xem những biện pháp chính sách nào là cần thiết và thích hợp (độ trễ quyết định) và để thực sự đi đến thực hiện quyết định (độ trễ vận dụng). Những độ trễ này có liên quan đến khả năng dự báo của chính phủ về các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai và mức độ không chắc chắn (độ bất định) của chúng. Nếu chính phủ có thể dự báo chính xác về tương lai, độ trễ thông tin và độ trễ quyết định có thể giảm đi một cách đáng kể.

- **Tốc độ phát huy ảnh hưởng:** Khoảng thời gian chậm trễ từ khi ra quyết định đến khi chính sách phát huy ảnh hưởng không phải chỉ do việc vận dụng chậm trễ bên trong nội bộ bộ

máy nhà nước (độ trễ bên trong). Nó còn do chậm trễ từ thời điểm thực hiện chính sách đến khi có những thay đổi trong sản lượng và sử dụng lao động (thuộc về độ trễ bên ngoài). Khác với những sự chậm trễ bên trong, sự chậm trễ do những yếu tố bên ngoài thường vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của chính phủ và phụ thuộc vào cơ cấu của nền kinh tế (xem hình 2). Tất nhiên

- **Tính chất trung lập:** Tác động của chính sách nên mang tính chất "trung lập" và chữ "trung lập" ở đây có nghĩa là những tác động xấu của chính sách đối với môi trường kinh tế bị giảm xuống đến mức thấp nhất. Nên chú ý luận điểm này không có nghĩa là trung lập hoàn toàn, bởi vì các biện pháp của chính sách thể hiện sự can thiệp vào thị trường và bởi vậy chúng có ảnh hưởng



một công cụ chính sách có tốc độ phát huy ảnh hưởng càng nhanh, nghĩa là các độ trễ nêu trên càng nhỏ, thì giá trị và hiệu quả của công cụ chính sách ấy càng lớn.

- **Khả năng dự báo ảnh hưởng:** Ảnh hưởng của chính sách có thể được dự báo dưới dạng ảnh hưởng của nó đối với các biến số mục tiêu theo hướng mong muốn. Khả năng dự báo này càng chính xác chừng nào thì độ tin cậy của chính sách càng lớn, các phương án chuẩn bị điều chỉnh chính sách nhằm đối phó với các tình thế có khả năng phát sinh trong tương lai càng dễ được thực hiện hơn.

khác nhau đối với quá trình phân bổ nguồn lực.

Ngoài ra, cũng có thể kể đến tính chất hồi tiếp của chính sách, như khả năng của chính sách trong việc thay đổi phương hướng tác động của nó, khả năng tạo ra những ảnh hưởng mong muốn...

(Theo CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ - Tài liệu phổ biến tại Hội nghị về kinh tế Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội, tháng 4.1992)